

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 8 – CÀ MAU **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/DS-ST

Ngày: 31/3/2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhận

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 544/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Ngọc T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Kiều P, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau.

(Bà T1 có đơn đề nghị vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2025 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào khoảng năm 2021 bà Nguyễn Ngọc L nhiều lần cho bà Nguyễn Kiều P vay tiền từ vài chục triệu đồng và vài chỉ vàng nhưng không có làm biên nhận. Đến ngày 22/01/2022 bà P tiếp tục vay của bà L số tiền 40.000.000đ và giữa bà L với bà P chốt nợ lại với số tiền vay tổng cộng là 201.000.000đ, các bên có làm biên nhận, biên nhận do bà P viết. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, đối với vàng là 200.000đ/tháng/01 chỉ vàng, tổng cộng 11 chỉ với số tiền lãi là 2.200.000đ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không có ghi vào biên nhận. Tuy nhiên từ ngày chốt nợ đến nay bà P không đóng lãi hay trả số tiền, vàng cho bà L.

Nay bà L yêu cầu bà P trả số tiền vay gốc là 201.000.000đ và lãi tạm tính từ ngày 22/01/2022 đến ngày 10/10/2025, với mức lãi suất 20%/năm với số tiền là 108.773.160đ, tổng cộng gốc và lãi là 309.773.160đ và yêu cầu trả 11 chỉ vàng 24K (đối với số vàng thì không yêu cầu tính lãi). Tuy nhiên bà L rút lại một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền 201.000.000đ.

Bị đơn từ khi Tòa án thụ lý đến khi mở phiên tòa xét xử, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Cà Mau trình bày quan điểm:

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn chưa chấp hành khoản 16, 17 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 201.000.000đ và 11 chỉ vàng 24K và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Về án phí các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Kiều P, bị đơn có địa chỉ tại phường G, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Kiều P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Kiều P trả số tiền vay gốc là 201.000.000đ và 11 chỉ vàng 24K, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án văn bản “*biên nhận*” ngày 22/01/2022, thể hiện bà P vay của bà L số tiền 201.000.000đ và 11 chỉ vàng 24K. Ngoài ra, bà P còn cung cấp hai người làm chứng là ông Lê Minh D và bà Lê Thị C là những người chứng kiến sự việc bà P vay tiền và vàng của bà L.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bà Nguyễn Kiều P, nhưng bà P không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà P không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, mặc dù Tòa án đã thông báo cho bà P tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng vẫn không nhận được ý kiến của bà P. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Nguyễn Kiều P có vay và còn nợ bà Nguyễn Ngọc L số tiền 201.000.000đ và 11 chỉ vàng 24K là có xảy ra trên thực tế.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất 20%/năm trên số tiền 201.000.000đ kể từ ngày 22/01/2022 cho đến khi Tòa án xét xử. Tuy nhiên, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu về lãi suất, chỉ yêu cầu mức lãi suất là 10%/năm.

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả...*”. Xét thấy, bà P đã vi phạm nghĩa vụ của người vay, do đó bà P phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”.

Như vậy lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 22/01/2022 đến ngày xét xử 31/3/2026 là 04 năm 02 tháng 09 ngày x 10%/năm x 201.000.000đ = 84.252.000đ.

Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L để buộc bà Nguyễn Kiều P có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay gốc là 201.000.000đ, lãi là 84.252.000đ và 11 chỉ vàng 24K.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L đòi nợ vay đối với bà Nguyễn Kiều P.

Buộc bà Nguyễn Kiều P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc L số tiền vay tổng cộng là 285.252.000đ (*trong đó tiền vay gốc là 201.000.000đ và lãi là 84.252.000đ*) và 11 chỉ vàng 24K (giá vàng tại thời điểm xét xử).

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu bà Nguyễn Kiều P trả lãi với mức lãi suất 10%/năm.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc L số tiền đã dự nộp tạm ứng án phí là 11.480.000đ tại biên lai thu số 0003296 ngày 27/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau. Buộc bà Nguyễn Kiều P phải nộp số tiền án phí là 23.022.000đ.

Đối với số tiền vay: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 8 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 8 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung